

# XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP RÈN KĨ NĂNG MỞ RỘNG VỐN DANH TỪ TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Vũ Thị Minh Tuyết<sup>1,2</sup>, Nguyễn Thị Ngọc Minh<sup>3</sup>, Nguyễn Thanh Huyền<sup>4</sup>

**Tóm tắt:** Mở rộng vốn từ cho học sinh tiểu học có nhiều mục đích. Trước hết, nó giúp các em tiếp cận với kho từ vựng tiếng Việt phong phú. Mở rộng vốn từ còn giúp các em hiểu biết, nắm vững và sử dụng hệ thống từ vựng cho đúng, cho hay. Mở rộng vốn từ cũng là một trong những con đường giúp trẻ phát triển năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ.

**Từ khóa:** Mở rộng vốn từ, năng lực, năng lực đặc thù, năng lực ngôn ngữ, mạng danh từ, dạy học.

## 1. MỞ ĐẦU

1.1. Ở bậc Tiểu học, Tiếng Việt là một trong những môn học đóng vai trò quan trọng và cần thiết. Qua môn Tiếng Việt, trẻ học được cách, sử dụng ngôn ngữ một cách nhạy bén, chính xác, tư duy logic. Việc học tiếng Việt sẽ giúp trẻ hình thành tư duy – ngôn ngữ.

1.2. Trên thực tế, học sinh tiểu học đã nắm bắt được các nhóm từ ngữ cơ bản, đã bước đầu được hình thành khả năng liên kết vốn từ vựng về mặt logic – ngữ nghĩa. Tuy nhiên, khả năng tập trung và chú ý của học sinh bậc tiểu học còn yếu. Mặt khác, học sinh tiểu học có sự chuyển biến mạnh từ tư duy trực quan sang tư duy trừu tượng, vì vậy việc mở rộng vốn danh từ tiếng Việt cho học sinh tiểu học rất cần thiết. Từ đó, giúp trẻ trở nên nhanh nhạy hơn trong việc lựa chọn từ vựng khi nói và viết. Mở rộng vốn từ cho trẻ còn đánh dấu sự phát triển trong tư duy của trẻ về năng lực ngôn ngữ.

1.3. Mở rộng vốn từ là một nhiệm vụ có tầm bao quát. Có rất nhiều con đường, cũng như có rất nhiều phương diện giúp trẻ mở rộng vốn từ. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung vào việc xây dựng hệ thống bài tập rèn kĩ năng mở rộng vốn danh từ tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thực trạng việc dạy và học danh từ tiếng Việt ở cấp Tiểu học

<sup>1</sup> Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

<sup>2</sup> Trường Tiểu học, THCS, THPT Vinschool Smart City

<sup>3</sup> Trường Tiểu học Lưu Quý An, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

<sup>4</sup> Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

**Khảo sát, thống kê**

Để có những hình dung khái quát về dạy và học danh từ tiếng Việt chúng tôi tiến hành khảo sát tình hình dạy học danh từ tiếng Việt ở hai trường tiểu học là: Trường Tiểu học Phụng Thượng và Trường Tiểu học A thị trấn Văn Điển. Từ đó đi vào khái quát thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học danh từ nói chung và mở rộng vốn từ nói riêng.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát việc học danh từ tại trường Tiểu học Phụng Thượng và trường Tiểu học A Thị trấn Văn Điển khi bước sang tuần học thứ 21 thực học của chương trình năm học 2021-2022 dựa trên cơ sở các nhóm từ có liên quan tới nhau tại các lớp 3, 4, 5, và thu được kết quả như sau:

**Trường Tiểu học Phụng Thượng**

| Lớp | Sĩ số | Xác định được DT/<br>từ chỉ sự vật |       | Xác định được các<br>nhóm từ có liên<br>quan đến nhau |       | Chưa xác định được<br>các nhóm từ có liên<br>quan đến nhau |       |
|-----|-------|------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------|-------|
|     |       | Số<br>lượng                        | Tỉ lệ | Số<br>lượng                                           | Tỉ lệ | Số<br>lượng                                                | Tỉ lệ |
| 3A5 | 32    | 26                                 | 81.3% | 15                                                    | 46.9% | 17                                                         | 53.1% |
| 4A5 | 34    | 28                                 | 82.4% | 15                                                    | 44.1% | 19                                                         | 55.9% |
| 5A5 | 34    | 27                                 | 79.4% | 16                                                    | 47.1% | 18                                                         | 52.9% |

**Trường Tiểu học A thị trấn Văn Điển**

| Lớp | Sĩ số | Xác định được DT/<br>từ chỉ sự vật |       | Xác định được các<br>danh từ có liên<br>quan đến nhau |       | Chưa xác định được<br>các danh từ có<br>liên quan đến nhau |       |
|-----|-------|------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------|-------|
|     |       | Số<br>lượng                        | Tỉ lệ | Số<br>lượng                                           | Tỉ lệ | Số<br>lượng                                                | Tỉ lệ |
| 3A1 | 55    | 45                                 | 81.8% | 32                                                    | 58.2% | 23                                                         | 41.8% |
| 4A1 | 57    | 46                                 | 80.7% | 28                                                    | 49.1% | 29                                                         | 50.9% |
| 5A1 | 58    | 48                                 | 82.8% | 28                                                    | 48.3% | 30                                                         | 51.7% |

Dựa vào kết quả khảo sát thực tiễn trên chúng tôi nhận thấy tỉ lệ học sinh chưa xác định được các nhóm từ có liên quan đến nhau tương đối cao (chủ yếu trên 50%, trừ lớp 3A1 của trường tiểu học A thị trấn Văn Điền). Trước thực trạng này, chúng tôi đã trao đổi với các giáo viên chủ nhiệm của các lớp để nắm bắt lực học của học sinh theo 4 nhóm: giỏi, khá, trung bình, yếu và tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới việc nắm bắt vốn từ cũng như tư duy ngôn ngữ chưa tốt. Khái quát lại, chúng tôi thấy có những nguyên nhân sau:

#### *Nguyên nhân*

*Thứ nhất*, các em chưa có sự tập trung cũng như chưa có phương pháp học tập tốt. Các em chưa thực sự chăm chỉ, chưa chủ động trong việc tìm tòi, trau dồi vốn từ nói chung và danh từ tiếng Việt nói riêng, khiến cho vốn từ vựng hạn hẹp.

*Thứ hai*, chương trình học dành cho phân môn Luyện từ và câu nói chung không nhiều (2 tiết/ tuần), trong đó các bài về Mở rộng vốn từ và dạy học từ loại chỉ chiếm một phần trong phân môn Luyện từ và câu. Do đó, học sinh không có nhiều thời gian để tập trung vào phần nội dung kiến thức này.

*Thứ ba*, phương pháp dạy học của giáo viên vẫn không thoát li được cách dạy truyền thống, Có nghĩa là trong các tiết dạy học từ loại (về danh từ), giáo viên đa phần cung cấp định nghĩa và yêu cầu học sinh xác định từ loại, việc mở rộng thêm các từ ngữ có liên quan rất hạn chế. Trong các tiết mở rộng vốn từ, giáo viên thường cung cấp các từ vựng trong một chủ đề và yêu cầu học sinh đọc - chép mà không tìm ra các hướng khác sâu từ vựng. Từ đó, học sinh dần hình thành thói quen ghi nhớ máy móc, thiếu hụt kĩ năng tư duy. Giáo viên chưa tìm ra được các phương pháp dạy học hiệu quả, khiến cho tiết học bị dập khuôn, nhàm chán, không kích thích được hứng thú học ở học sinh. Trẻ không chủ động tiếp thu kiến thức, dẫn đến hiệu quả của giờ học không cao.

## **2.2. Thiết kế hệ thống bài tập mở rộng vốn danh từ tiếng Việt**

### **2.2.1. Dạng bài tập điền âm, vần vào chỗ trống, điền thanh phù hợp để tạo danh từ**

Căn cứ vào đặc điểm của học sinh các khối lớp với các mức độ nhận diện, nắm bắt từ khác nhau, giáo viên sẽ đưa ra các dạng bài điền âm, vần, thanh để giúp học sinh mở rộng vốn từ với các từ đơn giản. Trong dạng bài tập này, giáo viên sẽ đưa ra các tiếng bị khuyết âm, vần, thanh và các vần dễ nhầm lẫn với nhau như *s* và *x*, *tr* và *ch*,.... Học sinh căn cứ vào vốn hiểu biết để lựa chọn âm, vần, thanh điền vào vị trí còn trống sao cho hợp lí. Dạng bài tập này ngoài mở rộng vốn từ cơ bản cho học sinh, còn giúp học sinh phân biệt được các âm, vần dễ lẫn.

*Ví dụ (1)*: Điền vần *âu* hay *ây* và dấu câu thích hợp để tạo ra từ có nghĩa

| Đề        |            | Đáp án         |                   |
|-----------|------------|----------------|-------------------|
| c... s... | cái ch...  | <u>cây sấu</u> | cái ch <u>âu</u>  |
| lau s...  | bảo m...   | lau <u>sây</u> | bảo m <u>ẫu</u>   |
| sáo s...  | chiếc c... | sáo <u>sầu</u> | chiếc c <u>ầu</u> |

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)

Ví dụ (2): Điền vần *tr* hay *ch* vào chỗ trống thích hợp

| Đề             |             | Đáp án                     |                    |
|----------------|-------------|----------------------------|--------------------|
| ...ang ...ại   | ...ường lớp | <u>tr</u> ang <u>tr</u> ại | <u>tr</u> ường lớp |
| ...ùa ...iền   | quả ...uối  | <u>ch</u> ùa <u>ch</u> iền | quả <u>ch</u> uối  |
| ...anh leo     | ...ức vụ    | <u>ch</u> anh leo          | <u>ch</u> ức vụ    |
| ...im ...óc    | cái ...ạn   | <u>ch</u> im <u>ch</u> óc  | cái <u>ch</u> ạn   |
| khăn ...ải bàn |             | khăn <u>tr</u> ải bàn      |                    |

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)

Ví dụ (3): Điền vần *ang* hay *anh* để hoàn thiện các câu thành ngữ, tục ngữ sau:

| Đề                                     | Đáp án                                                  |
|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| a. Bán ... em xa, mua l... giếng gần   | a. Bán <u>anh</u> em xa, mua <u>láng</u> giếng gần      |
| b. Chữ tín còn quý hơn v...            | b. Chữ tín còn quý hơn v <u>àng</u>                     |
| c. Đi một ngày đ..., học một s... khôn | c. Đi một ngày đ <u>àng</u> , học một s <u>àng</u> khôn |

(Bài tập dành cho lớp 4, 5)

Ví dụ (4): Điền vần *ay* hay *ai* để hoàn thiện các câu thành ngữ, tục ngữ sau:

| Đề                                      | Đáp án                                                |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| a. Ăn cắp quen t..., ngủ ng... quen mắt | a. Ăn cắp quen <u>tay</u> , ngủ ng <u>ày</u> quen mắt |
| b. Bắt cá h... t...                     | b. Bắt cá <u>hại tay</u>                              |
| c. Có công m... sắt, có ng... nên kim   | c. Có công <u>mài</u> sắt, có ng <u>ày</u> nên kim    |
| d. S... một li, đi một dặm              | d. <u>Sai</u> một li, đi một dặm                      |

(Bài tập dành cho lớp 4, 5)

### 2.2.2. Dạng bài tập điền từ thích hợp

Dạng bài tập này được xây dựng dựa trên quy tắc dùng từ (tự tìm hoặc cho sẵn) để hoàn thiện câu, đoạn văn, bài văn. Với dạng bài tập này, học sinh được mở rộng thêm vốn từ và các từ ngữ có liên quan trong cùng một chủ đề, cũng như trau dồi được cách dùng từ, hành văn trong chủ đề nhất định.

*Ví dụ (1):* Điền từ thích hợp để hoàn chỉnh thành ngữ, tục ngữ dưới đây

| Đề                           | Đáp án                                     |
|------------------------------|--------------------------------------------|
| a. Ăn cây ..., rào cây ...   | a. Ăn cây <u>táo</u> , rào cây <u>sung</u> |
| b. Xa ..., cách ...          | b. Xa <u>mắt</u> , cách <u>lòng</u>        |
| c. Cái ... đánh chết cái ... | c. Cái <u>nét</u> đánh chết cái <u>đẹp</u> |
| d. Cửa ... trả ...           | d. Cửa <u>thiên</u> trả <u>địa</u>         |

*(Bài tập dành cho lớp 2, 3)*

*Ví dụ (2):* Điền từ cho sẵn vào các chỗ trống sao cho phù hợp

*(hố sâu, sườn núi, một cách im lặng, chú hươu con)*

“Một hôm, em đang chặt củi ở bên một ... thì bỗng thấy ở dưới một cái ... có một chú hươu con bị sa xuống đó từ lúc nào không rõ. ... lo lắng ... . Chú mở to đôi mắt, ngẩng đầu lên nhìn quanh, như đợi mẹ đến cứu mình.”

*(Bài tập dành cho lớp 2, 3)*

Đáp án:

“Một hôm, em đang chặt củi ở bên một sườn núi thì bỗng thấy ở dưới một cái hố sâu có một chú hươu con bị sa xuống đó từ lúc nào không rõ. Chú hươu con lo lắng một cách im lặng. Chú mở to đôi mắt, ngẩng đầu lên nhìn quanh, như đợi mẹ đến cứu mình.”

*Ví dụ (3):* Điền từ cho sẵn vào các chỗ trống sao cho phù hợp.

*(mũ tai bèo, thung lũng, dốc, chiếc ba lô, đoàn quân, đỉnh cao)*

“Đường lên ... trơn và lầy. Người nọ đi tiếp sau người kia. ... nổi thành vệt dài từ ... tới ... như một sợi dây kéo thẳng đứng. Họ nhích từng bước. Nhìn lên chỉ thấy những ... lù lù nổi nhau trên những cái lưng cong cong. Nhìn xuống là những ... lúp xúp trên những mái đầu đang cắm về phía trước. Những khuôn mặt đỏ bừng.”

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

Đáp án:

“Đường lên dốc trơn và lầy. Người nọ đi tiếp sau người kia. Đoàn quân nổi thành vệt dài từ thung lũng tới đỉnh cao như một sợi dây kéo thẳng đứng. Họ nhích từng bước. Nhìn

lên chỉ thấy những chiếc ba lô lù lù nổi nhau trên những cái lưng cong cong. Nhìn xuống là những mũ tai bèo lúp xúp trên những mái đầu đang cắm về phía trước. Những khuôn mặt đỏ bừng.”

*Ví dụ (4):* Tìm từ có tiếng *thiên* điền vào ô trống sao cho phù hợp:

- Albert Einstein là một .....
- Thuở xưa, Cao Lang từng mong muốn được chu du khắp .....
- Nhà Hoa trồng một cây .....
- ..... là một vật thể tự nhiên từ ngoài không gian và tác động đến bề mặt Trái Đất.

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

Đáp án:

- Albert Einstein là một thiên tài
- Thuở xưa, Cao Lang từng mong muốn được chu du khắp thiên hạ
- Nhà Hoa trồng một cây thiên lí
- Thiên thạch là một vật thể tự nhiên từ ngoài không gian và tác động đến bề mặt Trái Đất.

*Ví dụ (5):* Điền danh từ trừu tượng (*thơ ấu, sự lo âu, cảm tình, kỉ niệm, tương lai*) vào đoạn văn sau:

“Một ..... cũ dù êm đềm, sáng suốt, hay thảm khốc, tối tăm, bao giờ cũng xúc động lòng ta hơn là những ....., mừng rỡ của ..... dẫn đến. Nhất là những kỉ niệm ấy lại thuộc về thời kì ..... của ta, cái thời kì yêu dấu, rất nên thơ, vì chan chứa .....”

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

Đáp án:

“Một kỉ niệm cũ dù êm đềm, sáng suốt, hay thảm khốc, tối tăm, bao giờ cũng xúc động lòng ta hơn là những sự lo âu, mừng rỡ của tương lai dẫn đến. Nhất là những kỉ niệm ấy lại thuộc về thời kì thơ ấu của ta, cái thời kì yêu dấu, rất nên thơ, vì chan chứa cảm tình.”

### 2.2.3. Dạng bài giải câu đố, giải ô chữ

Dạng bài tập này cho phép nhà giáo dục sử dụng các câu đố dân gian, giải ô chữ, dùng hình ảnh, giúp học sinh tìm ra được đáp án, ngoài việc mở rộng vốn từ, học sinh còn được rèn luyện tư duy thông qua việc suy nghĩ và giải các câu đố này.

*Ví dụ (1):* Giải câu đố sau:

Da cóc mà bọc bột lọc  
Bột lọc mà bọc hòn than.

Đây là quả gì?

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)

Ví dụ (2): Giải câu đố sau:

Trông xa tưởng là mèo  
Lại gần hóa ra chim  
Ban ngày ngủ lim dim  
Ban đêm rình bắt chuột.

Đây là con gì?

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)

Ví dụ (3): Giải câu đố sau:

Con gì Tết đến  
Bay lượn hàng đàn  
Báo hiệu xuân sang  
Đã về rồi đó?

Đây là con gì?

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)

Ví dụ (4): Giải câu đố sau:

Thân thì liền với hai chân  
Khi làm chân nghỉ, chân quay mới kì

Đây là cái gì?

(Bài tập dành cho lớp 4, 5)

Ví dụ (5): Giải câu đố sau:

Cây suôn đuôn đuột



Đáp án: Quả nhãn



Đáp án: Chim cú mèo



Đáp án: Chim én



Đáp án: Cái compa

Trong ruột đen thui

Con nít lui cui

Dẫm đầu dè xuống

*Đây là cái gì?*

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

Đáp án: Cái bút chì

*Ví dụ (6):* Giải ô chữ với các câu hỏi gợi ý sau đây:

Dòng 1. Từng khu vực trong một đất nước được gọi là gì? (8 chữ cái)

Dòng 2. Nơi mọi người thường đến lễ Phật? (4 chữ cái)

Dòng 3. Ở Bắc Ninh nổi tiếng với làn điệu dân ca nào? (6 chữ cái)

Dòng 4. Từ cùng nghĩa với từ *cảnh quan*? (9 chữ cái)

Dòng 5. Ở Đồ Sơn, Hải Phòng nổi tiếng với lễ hội gì? (8 chữ cái)

Dòng 6. Một loại tranh dân gian nổi tiếng? (11 chữ cái)

Dòng 1

Dòng 2

Dòng 3

Dòng 4

Dòng 5

Dòng 6

Ô chữ hàng dọc là: .....

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

Đáp án:

Dòng 1

Dòng 2

Dòng 3

Dòng 4

Dòng 5

Dòng 6

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
|   |   |   | V | U | N | G | M | I | E | N |   |
| C | H | U | A |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Q | U | A | N | H | O |   |   |   |   |   |   |
|   |   | P | H | O | N | G | C | A | N | H |   |
|   | C | H | O | I | T | R | A | U |   |   |   |
|   | T | R | A | N | H | D | O | N | G | H | O |

Ô chữ hàng dọc là: VĂN HÓA

*Ví dụ (7):* Giải ô chữ với các câu hỏi gợi ý sau đây:

Dòng 1. Chỗ dòng suối có nước chảy từ trên cao xuống thấp? (8 chữ cái)

Dòng 2. Con người cần gì để sống? (8 chữ cái)

Dòng 3. Chúng ta đang sống ở đâu? (7 chữ cái)

Dòng 4. Than đá, quặng, dầu mỏ được gọi là gì? (9 chữ cái)

Dòng 5. Một loại núi có miệng ở đỉnh, có khả năng phun trào các chất khoáng nóng chảy? (6 chữ cái)

Dòng 6. Sự biến đổi theo hướng tiêu cực của môi trường khi bị tác động bởi rác thải, khói bụi gọi là gì? (6 chữ cái)

Dòng 7. Nơi mà người dân trồng lúa? (8 chữ cái)

Dòng 8. Cái gì quang hợp để tạo ra khí oxi và cacbonic cho con người? (6 chữ cái)

Dòng 9. Các vùng biển ở Việt Nam được gọi chung là gì? (8 chữ cái)

Dòng 10. Dòng nước đổ ra thường được gọi là gì? (4 chữ cái)

The diagram illustrates a 10-row grid of squares. The rows are labeled 'Dòng 1' through 'Dòng 10' on the left. The squares are arranged in a staggered, overlapping pattern. A vertical red line is drawn through the center of the grid, passing through the middle of the squares in each row.

Ô chữ hàng dọc là: .....

(Bài tập dành cho lớp 4, 5)

Đáp án:

Dòng 1                      T H A C N U O C

|         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|
| Dòng 2  |   |   |   |   |   | K | H | O | N | G | K | H | I |  |
| Dòng 3  |   |   |   | T | R | A | I | D | A | T |   |   |   |  |
| Dòng 4  | T | A | I | N | G | U | Y | E | N |   |   |   |   |  |
| Dòng 5  |   |   |   |   |   |   |   | N | U | I | L | U | A |  |
| Dòng 6  |   |   |   |   |   |   |   | O | N | H | I | E | M |  |
| Dòng 7  |   |   |   |   | C | A | N | H | D | O | N | G |   |  |
| Dòng 8  |   |   | C | A | Y | C | O | I |   |   |   |   |   |  |
| Dòng 9  |   |   |   |   |   | B | I | E | N | D | O | N | G |  |
| Dòng 10 |   |   |   |   |   | S | O | N | G |   |   |   |   |  |

Ô chữ hàng dọc là: THIÊN NHIÊN

#### 2.2.4. Dạng bài tập xếp từ vào nhóm nghĩa phù hợp

Dạng bài này cho phép học sinh tập trung các danh từ lại thành mạng danh từ bằng cách xếp các từ vào trong một nhóm nghĩa hoặc tìm các từ thuộc một trường nghĩa nào đó. Khi làm được dạng bài này, học sinh sẽ có cái nhìn tổng quát hơn về các mạng từ khác nhau, giúp quá trình tư duy trở nên nhạy bén hơn.

*Ví dụ (1):* Hãy xếp các từ sau vào nhóm nghĩa phù hợp: *hũ rượu, ô tô, cô giáo, thước kẻ, bạn bè, nhà thờ, công nhân, kĩ sư.*

a. Nhóm từ chỉ người:

b. Nhóm từ chỉ vật:

*(Bài tập dành cho lớp 2, 3)*

Đáp án:

a. Nhóm từ chỉ người: *cô giáo, bạn bè, công nhân, kĩ sư*

b. Nhóm từ chỉ vật: *hũ rượu, ô tô, thước kẻ, nhà thờ*

*Ví dụ (2):* Cho bức tranh sau:

Gọi tên các sự vật chỉ vật dụng trong nhà có trong bức tranh bên cạnh.

Các vật dụng trong nhà có trong tranh là:

.....

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)



Đáp án:

Các vật dụng trong nhà có trong tranh là: *tủ, tranh treo tường, đèn bàn, giường, gối, chăn, bồn tắm, vòi sen, bồn cầu, giấy vệ sinh, khăn mặt, tủ lạnh, máy hút mùi, bếp từ, chạn bếp, ấm nước, cốc, chảo, giá sách, sách, ghế sofa, cây cối, ảnh để bàn.*

Ví dụ (3): Cho bức tranh sau:

Kể tên các con vật có trong bức tranh:

.....

Các con vật có trong bức tranh là:

.....

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)



Đáp án:

Các con vật có trong bức tranh là: *gà trống, gà mái, gà con, cừu, lợn, chó, vịt, dê, bò, mèo, ngựa*

Ví dụ (4): Cho các từ: *đất nước, hữu ích, nhà nước, cộng đồng, núi non, bạn hữu, chiến hữu, giang sơn, thân hữu, bằng hữu, hữu dụng, non sông, chính phủ.*

Hãy xếp các từ trên vào hai nhóm nghĩa thích hợp dưới đây:

a. Nhóm các từ có nghĩa là *Tổ quốc*:

.....

b. Nhóm các từ có nghĩa là *bạn bè*:

.....

(Bài tập dành cho lớp 4, 5)

Đáp án:

a. Nhóm các từ có nghĩa là *Tổ quốc*: *đất nước, nhà nước, giang sơn, non sông, chính phủ.*

b. Nhóm các từ có nghĩa là *bạn bè: bạn hữu, chiến hữu, thân hữu, bằng hữu.*

*Ví dụ (2):* Tìm các danh từ liên quan đến các chủ đề sau đây:

|                                                                                                      |                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| a. Đồ dùng cần cho chuyến du lịch: <b>M:</b> <i>va li,...</i>                                        | <i>quần áo, túi xách, giày dép, mỹ phẩm, ...</i>                                    |
| b. Phương tiện giao thông và các sự vật liên quan đến giao thông: <b>M:</b> <i>xe máy, đèn đỏ...</i> | <i>tàu hỏa, máy bay, ô tô, mũ bảo hiểm, đèn giao thông, biển báo giao thông,...</i> |
| c. Địa điểm có thể đến trong chuyến du lịch: <b>M:</b> <i>bãi biển,...</i>                           | <i>núi, hang động, đảo, vịnh,...</i>                                                |

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

*Ví dụ (3):* Gạch bỏ từ có tiếng *nước* không mang nghĩa “là một dạng chất lỏng”: *nước cất, nhà nước, nước biển, nước khoáng, nước trời, nước non, đất nước, nước muối, bể nước.*

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

Đáp án:

Các từ có tiếng *nước* không mang nghĩa “là một dạng chất lỏng” là: *nhà nước, nước trời, nước non, đất nước, bể nước.*

#### 2.2.5. Dạng bài tìm từ cùng nghĩa, đồng nghĩa/ trái nghĩa

Khi xây dựng dạng bài này, trước tiên nhà giáo dục cần tìm ra các cặp danh từ cùng nghĩa, trái nghĩa để mở rộng thêm vốn từ cho học sinh, sau đó tìm ra các hình thức bài tập như tìm từ cùng nghĩa, trái nghĩa với một từ cụ thể hay trong các câu văn, ca dao, tục ngữ.

*Ví dụ (1):* Tìm các cặp danh từ trái nghĩa trong các câu sau:

- Đầu xuôi đuôi lọt.
- Trước lạ sau quen.
- Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng  
Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

Đáp án:

- Đầu xuôi đuôi lọt.
- Trước lạ sau quen.
- Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng.

Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

*Ví dụ (2):* Tìm từ đồng nghĩa với những từ sau:

- |    |           |    |           |    |             |
|----|-----------|----|-----------|----|-------------|
| a. | lợn - ... | b. | cỏ - ...  | c. | ngô - ...   |
| d. | hòm - ... | e. | bát - ... | f. | gương - ... |

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

Đáp án:

- |    |           |      |            |    |               |
|----|-----------|------|------------|----|---------------|
| a. | lợn - heo | b.   | cỏ - thảo  | c. | ngô - bắp     |
| d. | hòm       | - e. | bát - chén | f. | gương - kiếng |

*Ví dụ (3):* Tìm các cặp danh từ trái nghĩa chỉ các hiện tượng (xã hội, thời tiết, ...)

*(Bài tập dành cho lớp 4, 5)*

Đáp án:

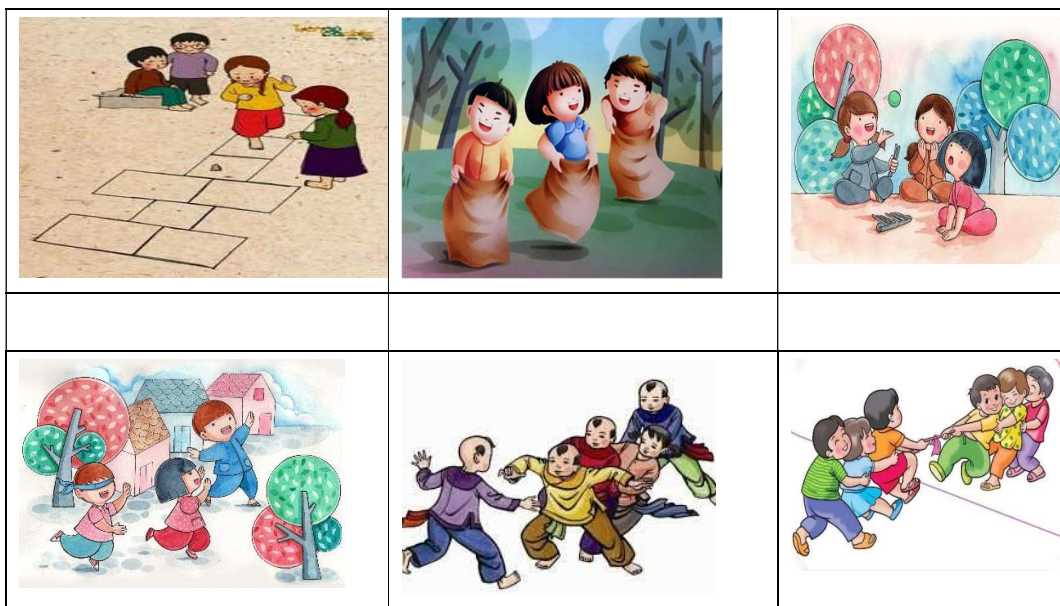
Cặp danh từ trái nghĩa chỉ hiện tượng xã hội: chiến tranh – hòa bình;...

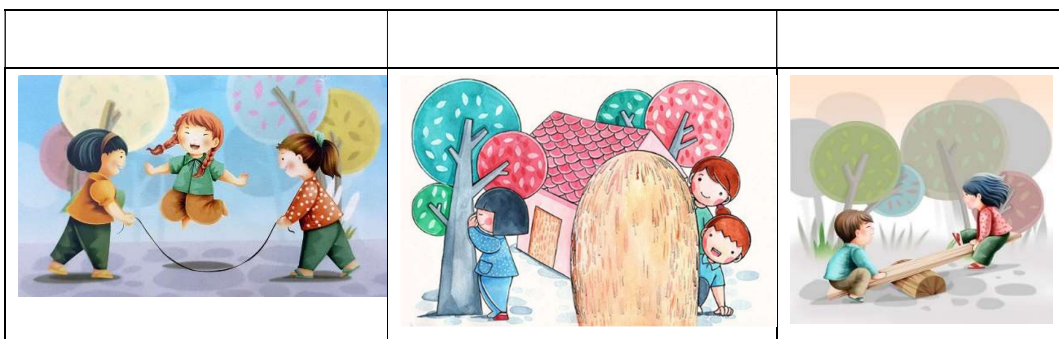
Cặp danh từ trái nghĩa chỉ thời tiết: nắng – mưa;...

#### 2.2.6. Dạng bài kết hợp từ

Trong dạng bài này, nhà giáo dục có thể cho học sinh ghép các tiếng lại thành các danh từ để nắm được sự kết hợp giữa các tiếng, từ với nhau hoặc nối các từ với những hình ảnh, nghĩa tương ứng.

*Ví dụ (1):* Điền tên các trò chơi vào các hình ảnh tương ứng

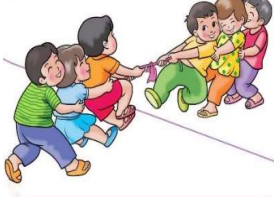




(chơi chuyền, ú tim, bập bênh, nhảy ô, kéo co, bịt mắt bắt dê, rồng rắn lên mây, nhảy dây, nhảy bao bố)

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)

Đáp án:

|                                                                                     |                                                                                      |                                                                                       |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |    |   |  |
| Nhảy ô                                                                              | Nhảy bao bố                                                                          | Chơi chuyền                                                                           |  |
|  |   |  |  |
| Bịt mắt bắt dê                                                                      | Rồng rắn lên mây                                                                     | Kéo co                                                                                |  |
|  |  |  |  |
| Nhảy dây                                                                            | Ú tim                                                                                | Bập bênh                                                                              |  |

Ví dụ (2): Hãy nối các từ với nhau sao cho phù hợp và nối với hình ảnh tương ứng.

|       |      |                                                                                       |
|-------|------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Hạn   | bão  |     |
| Núi   | vòng |    |
| Thung | chớp |     |
| Con   | lửa  |   |
| Cầu   | hán  |   |
| Tia   | lũng |  |

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)

Đáp án:

|            |                                                                                     |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Hạn hán    |    |
| Núi lửa    |    |
| Thung lũng |   |
| Con bão    |    |
| Cầu vồng   |  |
| Tia chớp   |  |

Ví dụ (3): Lựa chọn từ để kết hợp với các từ cho sẵn sao cho phù hợp

|     |      |      |     |     |    |       |     |
|-----|------|------|-----|-----|----|-------|-----|
| cái |      | bông |     | máy |    | cô    |     |
|     | bảng |      | hoa |     | in |       | gái |
| con |      | cái  |     | bếp |    | chiếc |     |

(Bài tập dành cho lớp 2, 3)

Đáp án:

|                    |      |                    |     |                    |    |                  |     |
|--------------------|------|--------------------|-----|--------------------|----|------------------|-----|
| <u><b>cá</b></u> i |      | cái                |     | <u><b>má</b></u> y |    | <u><b>cô</b></u> |     |
|                    | bảng |                    | hoa |                    | in |                  | gái |
| con                |      | <u><b>bông</b></u> |     | bếp                |    | chiếc            |     |

Ví dụ (4): Hãy nối từ và nghĩa thích hợp của nó

|                |                                                                                                            |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Nhạc cụ     | a. Người chỉ huy dàn nhạc.                                                                                 |
| 2. Nhạc kịch   | b. Những dụng cụ chuyên dùng để khai thác âm thanh, tạo ra tiết tấu, được sử dụng trong biểu diễn âm nhạc. |
| 3. Nhạc viện   | c. Loại hình tổng hợp âm nhạc và sân khấu, trong đó âm nhạc đóng vai trò chủ đạo.                          |
| 4. Nhạc trưởng | d. Cơ sở giáo dục cao cấp về âm nhạc.                                                                      |

(Bài tập dành cho lớp 4, 5)

Đáp án:

|                |                                                                                                            |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Nhạc cụ     | a. Người chỉ huy dàn nhạc.                                                                                 |
| 2. Nhạc kịch   | b. Những dụng cụ chuyên dùng để khai thác âm thanh, tạo ra tiết tấu, được sử dụng trong biểu diễn âm nhạc. |
| 3. Nhạc viện   | c. Loại hình tổng hợp âm nhạc và sân khấu, trong đó âm nhạc đóng vai trò chủ đạo.                          |
| 4. Nhạc trưởng | d. Cơ sở giáo dục cao cấp về âm nhạc.                                                                      |

Ví dụ (5): Hãy tìm các tiếng kết hợp với tiếng *nam*, *nước* để tạo ra các danh từ và đặt câu với một từ mà em vừa tìm được.

Các danh từ được tạo bởi tiếng *nam* và một tiếng khác:

Đặt câu:

Các danh từ được tạo bởi tiếng *nước* và một tiếng khác:

Đặt câu:

(Bài tập dành cho lớp 4, 5)

Đáp án:

Các danh từ được tạo bởi tiếng *nam* và một tiếng khác: *nam giới, trưởng nam, nam nhân, nam châm, nam bình, nam tước,*

Đặt câu: *Bác em là trưởng nam của dòng họ.*

Các danh từ được tạo bởi tiếng *nước* và một tiếng khác: *nước mưa, nước non, đất nước, sông nước, nước mắt, nước ngọt, nước mặn,...*

Đặt câu: *Việt Nam là một đất nước yêu chuộng hòa bình.*

Ví dụ (6): Hãy tìm các từ vừa có thể là danh từ chung, vừa có thể là danh từ riêng

**M:** *hòa bình – Hòa Bình*

*hòa bình: trạng thái yên bình, không có chiến tranh*

*Hòa Bình: một tỉnh ở vùng trung du phía tây Bắc Bộ*

(Bài tập dành cho lớp 4, 5)

Đáp án:

a. *đầm sen*: nơi người ta trồng hoa sen

*Đầm Sen*: khu du lịch trong thành phố Hồ Chí Minh

b. *gà trội*: một loại gà

*Gà Trội*: một địa danh du lịch ở Hạ Long

c. *hàng giày*: nơi bán giày

*Hàng Giày*: tên một phố nằm trong khu phố cổ Hà Nội

### 3. KẾT LUẬN

Hiện nay, việc xây dựng hệ thống bài tập nhằm mở rộng vốn danh từ cho học sinh tiểu học đã được một số nhà trường quan tâm, chú trọng, tuy nhiên, còn nhiều nhà trường chưa tìm được các phương pháp, hình thức phù hợp để đạt được hiệu quả như mong muốn. Bên cạnh đó, việc mở rộng vốn danh từ giúp các em có thể nắm được các vấn đề nói và viết, tư duy trừu tượng phát triển mạnh mẽ hơn. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm giúp các nhà trường tìm ra được các phương pháp, hướng đi phù hợp nhằm phát triển tối đa khả năng của các em.

Có thể thấy đây là những đề xuất mang tính thực tiễn cao giúp cho học sinh có khả năng mở rộng và tích lũy vốn từ và nâng cao năng lực ngôn ngữ.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Phạm Văn Lam – Phát triển năng lực tư duy – ngôn ngữ (dành cho học sinh Tiểu học), NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Sách giáo khoa Tiếng Việt (lớp 3, 4, 5 tập 1, 2), NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Sách giáo khoa Tiếng Việt (lớp 2 tập 1, 2), Bộ sách Kết nối tri thức.

**BUILDING EXPANDED SKILLS SOLID EXERCISES SYSTEM VIETNAMESE  
VOLUME CAPITAL FOR ELEMENTARY SCHOOL STUDENTS**

*Vu Thi Minh Tuyen, Nguyen Thi Ngoc Minh, Nguyen Thanh Huyen*

**Abstract:** *Broadening vocabularies for primary students has some purposes. Firstly, it helps them approach to the diversity of Vietnamese. Besides, it brings knowledge to students so that they can seize and use the vocabulary system well. Broadening vocabularies is also one of some ways helping students improve their specific competence – language competence.*

**Keywords:** *Broadening, competence, specific competence, language competence, noun network, teaching*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-11-2022; ngày phản biện đánh giá: 23-11-2022; ngày chấp nhận đăng: 12-12-2022)*